

**BỘ CÔNG THƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số 5118/BCT-ATMT

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2022

V/v góp ý dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm của ngành công nghiệp môi trường

Kính gửi:

- Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI); Các Hiệp hội: Môi trường đô thị và Khu công nghiệp, Năng lượng Việt Nam, Dệt may Việt Nam, Thép Việt Nam, Giấy và bột giấy Việt Nam.

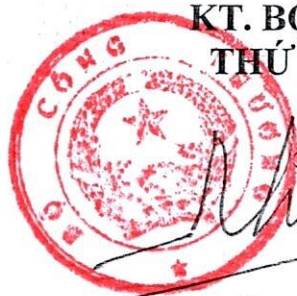
Ngày 10 tháng 01 năm 2022, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số Điều của Luật Bảo vệ môi trường, tại khoản 2 Điều 141 quy định “Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ, các Bộ, cơ quan ngang Bộ có liên quan xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường”. Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương đã xây dựng dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường (Dự thảo Quyết định).

Để có cơ sở trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định, Bộ Công Thương đề nghị Quý Cơ quan tham gia ý kiến đối với Dự thảo Quyết định (gửi kèm theo Công văn).

Văn bản góp ý đề nghị gửi về Bộ Công Thương (qua Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp, 25 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội và File mềm gửi về địa chỉ Email: [Truongtv@moit.gov.vn](mailto:Truongtv@moit.gov.vn)) **trước ngày 05 tháng 9 năm 2022.**

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Lưu: VT, ATMT.



**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Sinh Nhật Tân



**DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ BAN HÀNH DANH MỤC CỤ THỂ CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, SẢN PHẨM NGÀNH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Công văn số ...../BCT-ATMT ngày tháng 8 năm 2022)*

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**BAN HÀNH DANH MỤC CỤ THỂ CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, SẢN PHẨM  
NGÀNH CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG**

**DỰ THẢO**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Căn cứ tình hình phát triển kinh tế xã hội, Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát, sửa đổi, bổ sung Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;

**THỦ TƯỚNG**

**Phạm Minh Chính**

- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, CN.

**PHỤ LỤC**  
**DANH MỤC CỤ THỂ CÔNG NGHỆ, THIẾT BỊ, SẢN PHẨM NGÀNH**  
**CÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG**

(kèm theo Quyết định số .../QĐ-TTg ngày tháng năm 2022  
của Thủ tướng Chính phủ)

STT	Danh mục nhóm công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành công nghiệp môi trường	Danh mục cụ thể công nghệ, thiết bị, sản phẩm ngành Công nghiệp môi trường
1	Thiết bị, sản phẩm để xử lý khí thải.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thiết bị, sản phẩm xử lý bụi (lọc bụi túi vải, lọc bụi tay áo, lọc bụi tĩnh điện, lọc bụi ướt, buồng lắng bụi, thiết bị ly tâm tách bụi; Xe tưới đường đập bụi chuyên dụng; Máy phun sương đập bụi cao áp cố định và di động)</li> <li>2. Thiết bị xử lý các khí thải: NO<sub>x</sub>; SO<sub>x</sub>; H<sub>2</sub>S; Flo, NH<sub>3</sub>, Clo, C<sub>x</sub>H<sub>y</sub>;</li> <li>3. Thiết bị xử lý hơi kim loại nặng; dioxin/furan; thiết bị hấp thụ hơi axit</li> <li>4. Thiết bị hấp thụ, hấp phụ khí</li> <li>5. Thiết bị đốt CO (công đoạn cracking dầu); thiết bị thu hồi nhiệt khí thải</li> <li>6. Thiết bị khử mùi; khử mùi ống khói, tách giọt trong ống khói</li> <li>7. Thiết bị xử lý khí thải động cơ đốt trong</li> </ol>
2	Thiết bị, sản phẩm để xử lý nước thải, tái sử dụng nước thải.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thiết bị xử lý nước thải hợp khối;</li> <li>2. Thiết bị tách rác (song chắn rác, máy cào rác, bể tách rác)</li> <li>3. Thiết bị xử lý nước thải đơn lẻ (Bơm, quạt, máy nén, van, vòi, cút, tê v.v...)</li> <li>4. Thiết bị xử lý nước thải bằng phương pháp hóa lý</li> <li>5. Thiết bị xử lý nước thải bằng phương pháp vi sinh (yếm khí, kỵ khí, hiếu khí v.v...)</li> <li>6. Thiết bị xử lý nước thải bằng màng lọc (membrance bioreactor);</li> <li>7. Thiết bị xử lý nước thải nâng cao (xử lý photpho, xử lý nitơ, các ion kim loại nặng trong nước v.v...)</li> <li>8. Thiết bị sục khí ozon, chlorine</li> <li>9. Ống, cống thoát nước đúc sẵn (bê tông ly tâm đúc sẵn;</li> <li>10. Bể tự hoại;</li> <li>11. Thiết bị ép bùn (Sludge Dryer, and Other)</li> <li>12. Giá thể sinh học</li> </ol>
3	Thiết bị phân loại, thu gom, vận chuyển, tái chế, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thiết bị nghiền rác, băm rác, vo rác thải, phế liệu;</li> <li>2. Thiết bị đập, nghiền, sàng, chế biến chất thải xây dựng;</li> <li>3. Lò thiêu (trừ Lò hỏa táng);</li> </ol>

	thường, chất thải nguy hại và các thiết bị tái chế chất thải, phế liệu khác.	<ol style="list-style-type: none"> <li>4. Lò đốt chất thải nguy hại</li> <li>5. Lò đốt chất thải y tế;</li> <li>6. Lò đốt chất thải rắn sinh hoạt;</li> <li>7. Lò đốt chất thải rắn công nghiệp thông thường;</li> <li>8. Thiết bị tái chế giấy;</li> <li>9. Thiết bị tái chế nhựa;</li> <li>10. Thiết bị tái chế kim loại (sắt thép, đồng, chì nhôm v.v...);</li> <li>11. Thiết bị tái chế bụi lò luyện thép;</li> <li>12. Túi đựng rác thải sinh hoạt;</li> <li>13. Thùng thu gom, phân loại rác;</li> <li>14. Xe, phương tiện vận chuyển, thu gom rác;</li> <li>15. Dây chuyền sản xuất, chế biến phân composte từ rác thải;</li> <li>16. Dây chuyền sản xuất viên nén nhiên liệu (RDF);</li> <li>17. Thiết bị sản xuất vật liệu xây dựng không nung từ chất thải;</li> <li>18. Thiết bị thu gom, vận chuyển tro bay, xỉ đáy lò</li> <li>19. Thiết bị xử lý gyps (thạch cao PG);</li> <li>20. Lò nung cán thép, luyện kim từ đồng xử lý chất thải</li> </ol>
4	Thiết bị để phá dỡ phương tiện giao thông đường bộ, đường thủy hết thời hạn sử dụng.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thiết bị nâng;</li> <li>2. Giá đỡ;</li> <li>3. Máy ép;</li> <li>4. Máy cắt kim loại</li> <li>5. Thiết bị đập, nghiền, sàng</li> <li>6. Cần trục, cần cầu.</li> </ol>
5	Thiết bị, phụ tùng thay thế phục vụ hệ thống xử lý chất thải, trạm trung chuyển và công trình bảo vệ môi trường khác.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đê đập ngăn đất đá;</li> <li>2. Dốc nước;</li> <li>3. Hồ lắng đất đá;</li> <li>4. Hệ thống thu gom lắng lọc nước mưa chảy tràn</li> </ol>
6	Thiết bị đo lường, giám sát môi trường.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thiết bị quan trắc khí hậu, vi khí hậu;</li> <li>2. Thiết bị quan trắc môi trường khí (khí thải; không khí xung quanh)</li> <li>3. Thiết bị quan trắc môi trường nước (nước thải, nước mặt, nước dưới đất, nước biển ...);</li> <li>4. Thiết bị quan trắc môi trường đất</li> <li>5. Thiết bị đo tiếng ồn;</li> <li>6. Thiết bị đo độ rung;</li> <li>7. Thiết bị đo ánh sáng;</li> <li>8. Thiết bị đo độ phóng xạ</li> <li>9. Thiết bị đo sóng siêu âm;</li> <li>10. Thiết bị lấy mẫu, bảo quản mẫu (trầm tích, nước ngầm, nước mặt, đất, khí, khí thải...)</li> <li>11. Hệ thống quan trắc môi trường (không khí,</li> </ol>

		nước, đất) tự động, liên tục (bao gồm thiết bị đo, bộ thu thập dữ liệu và các thiết bị phụ trợ) 12. Camera giám sát môi trường; 13. 14. ...
7	Thiết bị, sản phẩm phục vụ sản xuất năng lượng từ chất thải.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thiết bị tuần hoàn, thu hồi nhiệt dư của các lò đốt nhiên liệu (nồi hơi, turbin khí v.v...)</li> <li>2. Lò nung xi măng đồng xử lý chất thải (theo xi măng)</li> <li>3. Lò đốt rác thu hồi nhiệt, lò đốt rác phát điện (Industrial furnaces and ovens, including incinerators, to energy or electric)</li> <li>4. Thiết bị, lò nung nấu tái chế (chì, kẽm, nhựa...)</li> <li>5. Viên nén nhiên liệu RDF</li> <li>6. Viên nén sinh khối BSR</li> <li>7. Thiết bị thu hồi khí biogas (từ phân bùn bể phốt, chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp).</li> </ol>
8	Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu, vật tư thay thế phục vụ xử lý chất thải, bảo vệ môi trường.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu xử lý nước (Chlorine, Phèn chua <math>KAl(SO_4)_2</math>, Chất trợ lắng PAC, Sản phẩm, vật liệu đệm xử lý nước...)</li> <li>2. Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu xử lý khí thải (<math>NH_4NO_3</math>, <math>NH_3</math>, Pt, <math>CaCO_3</math>, <math>CaO</math>, <math>Ca(OH)_2</math>...)</li> <li>3. Hóa chất, chế phẩm sinh học, vật liệu xử lý chất thải rắn (...)</li> <li>4. Chế phẩm xử lý chất thải sinh hoạt,</li> <li>5. Vật liệu hấp phụ (than hoạt tính v.v...);</li> <li>6. Polytetrafluoroetylen (PTFE) và polyvinylidene fluoride (PVDF): Dùng trong màng lọc khí hiệu suất cao, chống ăn mòn, màng lọc nước và màng lọc khí kháng khuẩn cho lĩnh vực y tế; thiết bị trao đổi khí thải công nghiệp; chất bịt kín công nghiệp có khả năng ngăn chặn rò rỉ các hợp chất hữu cơ dễ bay hơi và bụi <math>PM_{2.5}</math>;</li> <li>7. Phụ gia, hóa chất đông tụ, keo tụ nước thải;</li> <li>8. Các loại khí chuẩn phục vụ cho hệ thống quan trắc môi trường</li> <li>9. Chất xúc tác (<math>V_2O_5</math>)</li> </ol>
9	Thiết bị, sản phẩm phục vụ bảo tồn đa dạng sinh học.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Camera bẫy ảnh hồng ngoại</li> <li>2. Máy định vị vệ tinh (GPS)</li> <li>3. Bản đồ chuyên đề về loài, nơi cư trú/môi trường, đa dạng hệ sinh thái;</li> <li>4. Thiết bị xử lý ảnh;</li> <li>5. Thiết bị viễn thám (remote sensing); ảnh vệ tinh;</li> <li>6. Trạm đa dạng sinh học;</li> <li>7. Vườn ươm</li> <li>8. Trung tâm cứu hộ và chăm sóc động vật hoang dã.</li> </ol>
10	Thiết bị, sản phẩm phục vụ khắc phục sự cố môi trường.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phao quay thăm dầu (phao quay dầu tràn)</li> <li>2. Đê bao Garage Barrier;</li> <li>3. Sàn hứng chống tràn vãi</li> </ol>

		<ol style="list-style-type: none"> <li>4. Sàn hứng chống tràn vãi chuyên dụng cho máy móc, trang thiết bị trọng tải</li> <li>5. Pallet chống tràn, Cầu kiện ngăn tràn dạng mô-đun</li> <li>6. Tấm thấm dầu; Gói thấm dầu, Tấm thấm hoá chất</li> <li>7. Thùng phuy chứa chất thải nguy hại</li> <li>8. Tàu hút dầu tràn;</li> <li>9. Đá vôi (<math>\text{CaCO}_3</math>), Vôi (<math>\text{CaO}</math>), <math>\text{Na}_2\text{CO}_3</math>, <math>\text{NaOH}</math>;</li> <li>10. Máy bơm;</li> <li>11. các trang thiết bị bảo hộ như: Găng tay, Kính mắt, Mặt nạ phòng độc, Chổi – Gàu xúc, Túi đựng chất thải.</li> <li>12. Thiết bị, sản phẩm thấm hút, phân hủy, lọc tác dầu/hóa chất (cát, mùn cưa thấm dầu...);</li> <li>13. Thiết bị thu hồi dầu trong nước và không khí</li> <li>14. Nhà tránh lũ</li> <li>15. Thiết bị phương tiện PCCC: Xe chữa cháy, Bình chữa cháy, thiết bị dây, vòi nước chữa cháy.</li> </ol>
11	Thiết bị, sản phẩm khác phục vụ yêu cầu bảo vệ môi trường.	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thiết bị tạo khí ion âm;</li> <li>2. Máy hút bụi gia đình;</li> <li>3. Máy hút bụi công nghiệp;</li> <li>4. Bình nước nóng năng lượng mặt trời; Phương tiện giao thông thân thiện môi trường (xe điện, xe chạy bằng khí nhiên liệu...)</li> <li>5. Máy lọc nước, lọc không khí, khử khuẩn</li> <li>6. Thiết bị tiết kiệm năng lượng (đèn compact, điều hòa nhiệt độ inverter, lò nung tiết kiệm năng lượng)</li> <li>7. Tấm quang năng.</li> <li>8. Đèn tích điện năng lượng mặt trời</li> <li>9. Đèn đốt hiệu quả cao</li> <li>10. Thiết bị sấy khô sản phẩm bằng vi sóng.</li> </ol>
12	Công nghệ chế tạo, sản xuất thiết bị, sản phẩm quy định tại Phụ lục này.	